

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Khêm.

2. Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã H: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/11/2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16/02/2024 và Thông báo về việc dời thời gian xét xử vụ án dân sự số: 01/TB-TA, ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1990; Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; (Có mặt tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh).

2. *Bị đơn*: Anh Lê Tiểu N, sinh năm 1993; Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Th trình bày: Do chị và anh Lê Tiểu N tự quen biết, tìm hiểu nhau, được sự thống nhất của hai bên gia đình nên chị đã xác lập quan hệ hôn nhân với anh N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/3/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê S, sinh ngày 01/4/2020, hiện đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới thì vợ chồng chị về sống chung với gia đình anh N, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng trên 05 tháng nay, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N nghe theo lời bạn bè, không quan tâm lo lắng cho vợ con để tự mình chị đi làm kiếm tiền nuôi con. Vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Th đã dọn ra nhà trọ sống cho đến nay, trong khoảng thời gian sống tại nhà trọ giữa chị và anh N không có liên lạc với nhau, anh N cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị, cũng không đến thăm con. Không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia.
- Về nợ chung: Không có.

Chị Thạch Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tiểu N; Về con chung: Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê S, sinh ngày 01/4/2020, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận phân chia xong và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Th đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã H ngày 23/3/2016; 01 (Một) bản phô tô căn cước công dân; 01 (Một) bản sao giấy khai sinh của cháu Lê S.

Đối với bị đơn anh Lê Tiểu N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời lịch, giấy triệu tập họp lệ cho anh Lê Tiểu N nhưng anh Lê Tiểu N không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Lê Tiểu N được, anh Lê Tiểu N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn anh Lê Tiểu N chưa chấp hành đúng theo quy định về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thạch Thị Th, anh Lê Tiểu N đã có mâu thuẫn trầm trọng. Chị Th, anh N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly hôn với anh N; Về con chung: Từ khi sống ly thân cho đến nay, con chung do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được tiếp tục nuôi con chung tên Lê S. Chị Th không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét; Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh Lê Tiểu N cư trú tại ấp T, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Tiểu N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Th và anh Lê Tiểu N kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hôn nhân của chị Th, anh N là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong thời gian sống chung, vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị Th xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th xác định giữa chị và anh N không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị Th và anh N đã sống ly thân hơn 05 tháng nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, Tòa án đã tạo điều kiện để anh N đến Tòa án có ý kiến về việc xin ly hôn của chị Th nhưng anh N vẫn không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị Th điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th, anh N đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn

nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Thạch Thị Th được ly hôn với anh Lê Tiểu N.

[4] Về con chung: Con chung tên Lê S, sinh ngày 01/4/2020, trong thời gian sống ly thân, chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị Th không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Th khai có tài sản chung nhưng chị và anh N đã tự thỏa thuận phân chia xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Th; Cho chị Thạch Thị Th được ly hôn với anh Lê Tiểu N.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Th được tiếp tục nuôi con chung tên Lê S, sinh ngày 01/4/2020. Anh Lê Tiểu N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị Thạch Thị Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Th khai có tài sản chung nhưng chị và anh N đã tự thỏa thuận phân chia xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019866, ngày 17/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Thạch Thị Th đã nộp đủ án phí. Anh Lê Tiểu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh